

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 자동차등록규칙 [별지 제17호 서식] <개정 2020. 2. 28.>
■ Thông tư hướng dẫn Đăng ký xe ô tô [Mẫu đính kèm số 17]
<Sửa đổi 2020. 2. 28.>

자동차365(www.car365.go.kr)에서도 신청할 수 있습니다.
Có thể đăng ký tại Car365 (www.car365.go.kr).

자동차 말소등록 신청서 ĐƠN ĐĂNG KÝ HUỖ XE Ô TÔ

※ []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다.
※ Đánh dấu “√” vào [] tương ứng.

(앞쪽)
(Mặt trước)

접수 번호 Số tiếp nhận	접수 일시 Ngày tiếp nhận	발급 일시 Ngày cấp	처리 기간 Thời gian xử lý	즉시 Ngay lập tức
소유자 Người sở hữu	성명(명칭) Họ tên(tên gọi)	주민등록번호(법인등록번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân)		
	주소 Địa chỉ			
	전자우편 Email	(휴대)전화번호 Số điện thoại (di động)		
자동차등록번호 Số đăng ký xe ô tô	차대 번호 Số khung	주행거리 Quãng đường đã chạy	km	km
말소등록의 원인 Nguyên nhân đăng ký huỷ	[]폐차 []제작 · 판매자에게 반품 []Xe phế thải. []Trả lại nhà sản xuất, người bán		[]행정처분이행 []수출 예정 []도난 []형령 · 편취 []Chấp hành xử lý hành chính []Dự kiến xuất khẩu []Trộm cắp []Tham ô, lừa đảo	
	[]천재지변 · 교통사고 · 화재 · 폭파 · 매몰 등의 사고 []Các sự cố như thiên tai, tai nạn giao thông, hỏa hoạn, cháy nổ, chôn lấp, v.v.		[]압류등록된 차량으로서 차령 초과 []Xe đã bị đăng ký tịch thu và quá hạn sử dụng	
	[]연구 · 시험 사용 목적 []Sử dụng cho mục đích nghiên cứu và thử nghiệm		[]사고 원인의 규명 등 특수용도 사용 목적 []Sử dụng cho các mục đích đặc biệt như xác định nguyên nhân gây ra tai nạn, v.v.	
	[]섬 지역에서의 해체 []Tháo dỡ trên đảo		[]외교용 또는 SOFA차량으로서 내국민에게 양도 []Chuyển nhượng cho người Hàn dưới dạng xe ngoại giao hoặc SOFA	
	[]도로 외의 지역에서의 한정사용 목적 []Sử dụng cho những mục đích hạn chế ở những khu vực khác ngoài đường bộ		[]그 밖의 국토교통부장관이 인정하는 사유 []Lí do khác được Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông công nhận	
	[]특별시장 · 광역시장 · 도지사 또는 시장 · 군수 · 구청장이 멸실 사실을 인정하는 사유 []Lí do được thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwanggyeoksi), thống đốc tỉnh (do) hoặc thị trưởng, chủ tịch huyện (gun), chủ tịch quận (gu) công nhận thực tế tổn thất			
말소사실 증명서 Giấy chứng nhận huỷ	[]발급 필요 []Cần cấp		[]발급 불필요 []Không cần cấp	

「자동차관리법」 제13조제1항, 「자동차등록령」 제31조제1항 및 「자동차등록규칙」 제37조에 따라 자동차
말소등록을 신청합니다.

Tôi xin đăng ký huỷ xe ô tô như trên theo khoản 1 Điều 13 “Luật Quản lý ô tô”, khoản 1 Điều 31 của “Nghị định hướng
dẫn Đăng ký ô tô” và Điều 37 “Thông tư hướng dẫn Đăng ký xe ô tô”.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인 성명 (서명 또는 인)
Người đăng ký Họ tên (Kí tên hoặc đóng dấu)
생년월일
Năm, tháng, ngày sinh

특별시장 · 광역시장 · 특별자치시장 · 도지사 · 특별자치도지사 또는
시장 · 군수 · 구청장 귀하

Kính gửi **Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng Thành phố trực thuộc
trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi),
Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc Thị trưởng, Chủ tịch huyện
(gun), Chủ tịch quận (gu)**

행정정보 공동이용 동의서
Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 전산정보처리조직 및 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 특별시장 ·

광역시장 · 특별자치시장 · 도지사 · 특별자치도지사 또는 시장 · 군수 · 구청장이 뒤쪽의 확인 사항을 확인하는 것에 동의합니다.

Để xử lý vấn đề này, tôi đồng ý với việc Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị
trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh (do), Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc Thị trưởng, Chủ tịch
huyện (gun), Chủ tịch quận (gu) xác nhận các chi tiết ở mặt sau thông qua tổ chức xử lý thông tin trên máy vi tính và sử dụng chung thông tin hành
chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”.

※ 신청인이 특별시장 · 광역시장 · 특별자치시장 · 도지사 · 특별자치도지사 또는 시장 · 군수 · 구청장의 확인에 동의하지 않거나 전산정보처리조
직 및 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 확인할 수 없는 경우에는 해당 서류(법인등기부등본은 제외합니다)
를 신청인이 직접 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý cho phép thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), thị trưởng
thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), thống đốc tỉnh (do), thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc thị trưởng, chủ tịch huyện
(gun), chủ tịch quận (gu) xác nhận hoặc không thể xác nhận thông qua tổ chức xử lý thông tin trên máy vi tính và sử dụng chung thông tin hành
chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”, người nộp đơn phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan (ngoại trừ bản sao giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp).

신청인(대표자) (서명 또는 인)
Người đăng ký (người đại diện) (Kí tên hoặc đóng dấu)

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	뒤쪽참조 Tham khảo mặt sau	수수료 1,000원 Lệ phí 1.000 Won
---------------------------	---------------------------	--------------------------------------

210mm×297mm[백상지 또는 중질지 80g/㎡]

- ☐ 말소등록 원인별 첨부 서류
☐ Hồ sơ đính kèm theo từng nguyên nhân đăng ký hủy

말소등록 원인 Nguyên nhân đăng ký hủy	신청인 제출 서류 Hồ sơ người đăng ký nộp	특별시장·광역시장·특별자치시장·도지사·특별자치도지사 또는 시장·군수·구청장 확인 사항 Nội dung thị trường thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), thị trường thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), thị trường thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc thị trường, chủ tịch huyện (gun), chủ tịch quận (gu) xác nhận
공통 Hồ sơ chung	<p>1. 자동차등록증(자동차해체재활용업자가 인수한 경우는 제외합니다.) 다만, 「자동차관리법」 제13조제1항에 따라 재산관리인이 자동차등록증을 반납할 수 없을 때에는 그 사유를 소명하는 서류를 제출해야 합니다.</p> <p>1. Giấy đăng ký xe ô tô (trừ trường hợp công ty tháo dỡ và tái chế ô tô mua lại) Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 13 Luật Quản lý ô tô, nếu người quản lý tài sản không thể nộp lại giấy đăng ký xe ô tô thì phải nộp giấy tờ giải thích lý do.</p> <p>2. 자동차등록번호판(자동차해체재활용업자가 인수한 경우와 천재지변·교통사고·화재 등의 사고에 따른 경우는 제외합니다.)</p> <p>2. Biên số xe ô tô (trừ các trường hợp ông ty tháo dỡ và tái chế ô tô mua lại và các trường hợp sự cố như thiên tai, tai nạn giao thông, hỏa hoạn, v.v.)</p> <p>3. 제3자의 승낙서 또는 확정판결 등 집행력 있는 정보(등록원부상 이해관계인이 있는 경우에만 해당합니다.). 다만, 「자동차관리법」 제13조 제1항제5호 및 제7호에 따라 말소등록을 신청하는 경우에는 그렇지 않습니다.</p> <p>3. Bản gốc có hiệu lực thi hành như thư đồng ý của bên thứ 3 hoặc phán quyết cuối cùng (chỉ áp dụng nếu có cá nhân liên quan trên sổ đăng ký.). Tuy nhiên, điều này không áp dụng nếu đăng ký hủy theo điểm 5 và điểm 7 khoản 1 Điều 13 “Luật Quản lý ô tô”</p> <p>4. 대리인이 신청하는 경우에는 위임장 및 위임한 사람의 신분을 확인할 수 있는 신분증명서 사본(법인인 경우에는 법인인감증명서를 말하며, 해당 법인이 제출한 사용인감제를 등록 관청이 대조·확인할 수 있는 경우에는 제출하지 않아도 됩니다.) 각 1부</p> <p>4. Nếu là người đại diện, phải có giấy ủy quyền và bản sao giấy tờ tùy thân có thể xác nhận nhân thân của người ủy quyền (trong trường hợp là pháp nhân, phải có Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu pháp nhân; nếu cơ quan đăng ký có thể đối chiếu và xác nhận giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu sử dụng do pháp nhân đó nộp thì không cần phải nộp.) Mỗi loại 1 bản</p>	<p>1. 자동차등록원부 1. Sổ đăng ký xe ô tô 2. 폐차인수증명서 2. Giấy chứng nhận mua lại xe phế thải 3. 비사업용자동차를 등록하는 법인 등의 경우에는 사업자등록증 또는 법인 등기사항증명서(사업자등록증 사본이나 그 밖의 사용본거지를 알 수 있는 서류로 갈음할 수 있습니다) 3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký pháp nhân (có thể thay thế bằng bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu khác thể hiện nơi sử dụng) nếu pháp nhân đăng ký xe phi thương mại</p>
폐차 Xe phế thải	자동차해체재활용업자가 발행한 폐차인수증명서 1부 1 bản Giấy chứng nhận mua lại xe phế thải do công ty tháo dỡ và tái chế ô tô cấp	
제작자 또는 판매자에게 반품 Trả lại nhà sản xuất, người bán	자동차 제작자 또는 판매자가 발행한 자동차 반품확인서 1부 1 bản Giấy xác nhận trả lại ô tô do nhà sản xuất hoặc người bán ô tô cấp	
행정처분 이행 Chấp hành xử lý hành chính	행정처분서 사본(자동차운수사업자로서 그 사업면허·등록·인가 또는 신고가 실효되거나 취소된 경우만 해당합니다.) 1부 Bản sao quyết định xử lý hành chính (chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép, đăng ký, phê duyệt kinh doanh hoặc khai báo kinh doanh công ty vận chuyển ô tô đã hết hiệu lực hoặc bị hủy bỏ) 1 bản	
수출 예정 Dự kiến xuất khẩu	수출신용장 또는 수출계약서 등 수출 예정 사실을 증명할 수 있는 서류 1부 1 bản tài liệu có thể chứng minh kế hoạch xuất khẩu, như thư tín dụng xuất khẩu hoặc hợp đồng xuất khẩu	
도난 Trộm cắp	관할 경찰서장이 발행한 도난신고확인서 1부 1 bản Giấy xác nhận khai báo trộm cắp do giám đốc sở cảnh sát có thẩm quyền cấp	
횡령 또는 편취 Tham ô hoặc lừa đảo	관할 경찰서장이 발급한 사건사고사실확인원 1부 1 bản Giấy xác nhận tai nạn do giám đốc sở cảnh sát có thẩm quyền cấp	

천재지변 · 교통사고 · 화재 · 폭파 · 매몰 등의 사고 Các sự cố như thiên tai, tai nạn giao thông, hỏa hoạn, cháy nổ, chôn lấp, v.v.	경찰서장, 소방서장, 시장 · 군수 또는 구청장 등 관련 기관의 장이 발행한 사고 사실 증명 서류 1부 1 bản giấy tờ chứng minh tai nạn do thủ trưởng có liên quan như giám đốc sở cảnh sát, trưởng trạm cứu hỏa, thị trưởng, chủ tịch huyện (gun) hoặc chủ tịch quận (gu) cấp	
연구 · 시험 사용 목적 Sử dụng cho mục đích nghiên cứu và thử nghiệm	각각 해당 사유를 증명하는 서류 1부 1 bản tài liệu chứng minh lí do tương ứng	
사고 원인의 규명 등 특수 용도 사용 목적 Sử dụng cho mục đích đặc biệt như xác định nguyên nhân gây ra tai nạn, v.v.	각각 해당 사유를 증명하는 서류 1부 1 bản tài liệu chứng minh lí do tương ứng	
섬 지역에서의 해체 Tháo dỡ trên đảo	각각 해당 사유를 증명하는 서류 1부 1 bản tài liệu chứng minh lí do tương ứng	
외교용 또는 SOFA차량으로서 내국민에게 양도 Chuyển nhượng cho người Hàn dưới dạng xe ngoại giao hoặc SOFA	각각 해당 사유를 증명하는 서류 1부 1 bản tài liệu chứng minh lí do tương ứng	
도로 외의 지역에서의 한정 사용 목적 Sử dụng cho những mục đích hạn chế ở những khu vực khác ngoài đường bộ	각각 해당 사유를 증명하는 서류 1부 1 bản tài liệu chứng minh lí do tương ứng	
그 밖의 교통부장관이 인정하는 사유 Lí do khác được Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông công nhận	각각 해당 사유를 증명하는 서류 1부 1 bản tài liệu chứng minh lí do tương ứng	
특별시장 · 광역시장 · 도지사 또는 시장 · 군수 · 구청장이 멸실 사실을 인정하는 사유 Lí do được thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), thống đốc tỉnh (do) hoặc thị trưởng, chủ tịch huyện (gun), chủ tịch quận (gu) công nhận thực tế tổn thất	특별시장 · 광역시장 · 도지사 또는 시장 · 군수 · 구청장이 발행한 자동차 멸실 사실 인정서 1부 1 bản giấy công nhận thực tế tổn thất do thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), thống đốc tỉnh (do) hoặc thị trưởng, chủ tịch huyện (gun), chủ tịch quận (gu) cấp	

유의 사항

Nội dung lưu ý

- ※ 휴대전화번호와 전자우편(이메일)주소는 귀하의 자동차 관리에 필요한 사항을 안내하고 도움을 드리려는 목적으로 이용되니 적어 주시고, 변경되는 경우 관할 등록 관청에 알려 주십시오. 다만, 본인이 원하지 않으면 적지 않아도 됩니다.
- ※ Hãy điền số điện thoại (di động) và địa chỉ thư điện tử (e-mail) để sử dụng cho mục đích hướng dẫn và hỗ trợ các vấn đề cần thiết trong quản lý xe (thu hồi, v.v.). Trường hợp có thay đổi, vui lòng thông báo cho cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Tuy nhiên, có thể không điền nếu không muốn.